TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày: 13- 11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Liên

2. Ông Nguyễn Hoàng Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày 28/4/1982; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đặng Văn H, sinh năm 1954, con bà: Hoàng Thị Ng, sinh năm 1956; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ là: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2019 đến nay, hiện Đg bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Q, tên gọi khác: không; sinh ngày 19/5/1982; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1946, con bà: Phạm Thị HT, sinh năm 1948; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Có chồng là: Đặng Văn T, sinh năm 1982 (là bị cáo trong cùng vụ án), có 02 con chung, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp ngăn chặn

Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo Đg tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965 – Có mặt

Trú tại: Xóm GC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

- Người tham gia tố tụng khác:

+ *Người có quyền lợi, NG vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Hoàng Thị NG, sinh năm 1956 – Có mặt

Trú tại: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN

+ *Người làm chứng*: Chị Trần Thị V, sinh năm 1974 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm GC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T và Nguyễn Thị Q (là vợ chồng), có quan hệ quen biết từ trước với bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965, trú tại: xóm GC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN nên Q đã nhiều lần đến nhà bà Đ chơi, vay tiền, vì vậy Q biết bà Đ để tiền trong két sắt. Hiện tại, vợ chồng T đang nợ rất nhiều người. Ngày 02/7/2019, Q nói với T là nhà bà Nguyễn Thị Đ có để rất nhiều tiền và vàng trong két sắt, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Đ. T bàn và nói với Q "sáng ngày mai sẽ đi trộm cắp tài sản nhà bà Đ" thì Q hỏi T "Anh có biết mở két không?" T nói "Không phải mở két, anh khác có cách, thôi ngủ đi sáng mai chở anh đi".

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, T chuẩn bị 01 thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn và 01 kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su (tại xưởng cơ khí của gia đình), sau đó điều khiển xe mô tô màu đen, nhãn hiệu HONDA, BKS- 20B1- 657.26 (chiếc xe này là của vợ chồng T, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Q), chở Q đi từ nhà thuộc xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN đến nhà bà Đ để trộm cắp tài sản. Đến nơi, T quan sát thấy nhà bà Đ khóa cửa (vợ chồng T biết hàng ngày bà Đ đi chợ bán hàng từ sớm, đến khoảng 11-12 giờ mới về), T bảo Q đứng ở ngoài quan sát, cảnh giới cho T, khi nào T gọi điện thoại thì đến đón T. Sau đó, T cầm dụng cụ đem theo từ nhà đi bộ về phía bờ tường rào phía sau nhà bà Đ, rồi trèo lên mái proximang chuồng lợn, T cậy tấm proximang chuồng lợn chui vào. T tiếp tục dùng đục sắt cậy khóa cửa phía sau nhà, khi cậy được khóa cửa, T đi qua phòng bếp thì thấy có cửa nhôm kính buộc bằng dây vải, T dùng kéo cắt đứt dây vải và mở cửa đi vào phòng ngủ của bà Đ. T nhìn thấy bên góc phải buồng ngủ có 01 két sắt. T di chuyển két sắt ra cho đỡ sát tường rồi dùng đục sắt đập mạnh cho két sắt thủng 01 lỗ rồi dùng kéo cắt phần mặt ngoài của két sắt rộng khoảng 25- 30cm, sau đó cắt lớp bên trong rộng khoảng 10cm rồi dùng tay phải lấy từ trong ra 05 tập tiền, 02 hộp đựng vàng. T mở hộp đựng vàng thứ nhất ra thấy bên trong có lắc tay vàng, tiếp tục mở hộp đựng vàng thứ hai ra, thấy có 01 nhẫn tròn vàng và 01 lắc

vòng vàng. T liền lấy số vàng đút vào túi quần bên phải, đồng thời nhét toàn bộ số tiền trộm được vào túi áo khoác, phía trong ngực trái rồi trèo tường đi ra ngoài đường Quốc lộ, gọi điện cho Q đến đón rồi T điều khiển xe mô tô chở Q về nhà. Khi về đến nơi, T bỏ tiền, vàng ra đếm, thấy 02 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 03 tập tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. T kiểm đếm số tiền trộm cắp được là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. T đưa cho Q 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) để chi tiêu, còn lại 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng T để vào trong túi nilon màu đen và cho vào chai nhựa màu xanh (đã bị cắt phần đáy chai) mang ra giấu dưới mảnh bạt màu xanh tại vườn bưởi gia đình. Số vàng trộm cắp được T mang ra xưởng cơ khí của gia đình, dùng máy khò nung chảy số vàng ra thành hai cục vàng rồi đem đi cất ở két sắt của T để tại nhà mẹ đẻ là bà Hoàng Thị NG, sinh năm 1956, trú tại: xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, Bà Nguyễn Thị Đ đã có đơn trình báo gửi Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết theo quy định.

Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định, thu giữ 01 két sắt màu xanh, có kích thước 76 cm x 51cm x 37cm, bị thủng 01 lỗ phía sườn trái.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T và Q bị triệu tập đến Công an huyện Đồng Hỷ để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Đ và giao nộp 02 cục vàng cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã khám xét khẩn cấp tại nơi ở của vợ chồng T, Q; kết quả thu giữ: 01 chai nhựa màu xanh, đáy chai bị cắt thủng, phía bên trong có 01 túi nilon màu đen, quấn trong túi nilon có 04 tập tiền trong đó 02 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tập tiền mệnh giá 50.000 đồng, tổng số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại khu vực vườn phía sau nhà T; thu giữ tại giường ngủ 01 áo chống nắng bên trong có 01 tập tiền gồm mệnh giá 500.000 đồng và mệnh giá 50.000 đồng, tổng số tiền là 20.000.000 đồng; thu giữ tại xưởng cơ khí 01 thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn; 01 kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su, lưỡi kéo bằng kim loại; 01 khò bằng đồng có 02 ống nối, tay cầm bằng nhựa màu nâu, có chiều dài 52cm; 02 ống nhựa, có 01 ống màu xanh, có kích thước 4 x 0,1m, 01 ống nhựa màu hồng, có kích thước 5,72 x 0,1m; 01 bát đất nung bị vỡ để ở giá để đồ của xưởng cơ khí.

Đối với chiếc điện thoại của T, Q sử dụng để liên lạc trong quá trình trộm cắp tài sản nhà bà Đ, các bị can khai nhận đã đánh rơi nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được.

Tại bản Kết luận số 26 ngày 24/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ kết luận: 01 lắc vòng vàng 10 chỉ loại vàng ta, tuổi vàng là 997, có giá trị là 38.500.000đ; 01 nhẫn tròn vàng 05 chỉ

loại vàng ta, tuổi vàng 9999, có giá trị 19.350.000đ; 01 lắc tay vàng 05 chỉ loại vàng ta, tuổi vàng là 997, có giá trị là 19.250.000đ; 01 két sắt Việt Đức, size 44, No 25030711725, màu xanh, kích thước 76cm x 51cm x 37cm, có giá trị tại thời điểm ngày 03/7/2019 là: 550.000đ.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chai nhựa màu xanh, đáy chai bị cắt thủng; 01 thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn, có kích thước 51cm x 1,7 cm; 01 kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su; 01 xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Honda, BKS: 20 B1- 657.26; 01 áo chống nắng màu xám; 01 túi nilong màu đen; 01 két sắt màu xanh, có kích thước 76 cm x 51cm x 37cm, bị thủng 01 lỗ phía sườn trái; 01 khò bằng đồng có 02 ống nối, tay cầm bằng nhựa màu nâu, có chiều dài 52cm; 02 ống nhựa, có 01 ống màu xanh, có kích thước 4 x 0,1m, 01 ống nhựa màu hồng, có kích thước 5,72 x 0,1m; 01 bát đất nung bị vỡ. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tiến hành định giá tài sản theo quy định, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại toàn bộ tài sản là tiền, vàng mà các bị cáo đã trộm cắp cho chủ sở hữu là bà Đ quản lý, sử dụng. Bị cáo Q khắc phục mua mới 01 két sắt cho bà Đ. Sau khi nhận đủ các tài sản trên, bà Đ không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSĐH, ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đặng Văn T và Nguyễn Thị Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Thị Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 30 đến 36 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết vì bị hại không có yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Honda, BKS: 20B1- 657.26.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa màu xanh, đáy chai bị cắt thủng; 01 thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn, có kích thước 51cm x 1,7 cm; 01 kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su; 01 áo chống nắng màu xám; 01 túi nilong màu đen; 01 két sắt màu xanh, có kích thước 76 cm x 51cm x 37cm, bị thủng 01 lỗ phía sườn trái; 01 khò bằng đồng có 02 ống nối, tay cầm bằng nhựa màu nâu, có chiều dài 52cm; 02 ống nhựa, có 01 ống màu xanh, có kích thước 4 x 0,1m, 01 ống nhựa màu hồng, có kích thước 5,72 x 0,1m; 01 bát đất nung bị vỡ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, NG vụ liên quan đến vụ án không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất, bị cáo Nguyễn Thị Q xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, tại nhà ở của bà Nguyễn Thị Đ thuộc xóm GC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Lợi dụng lúc bà Đ không có ở nhà, Nguyễn Thị Q quan sát, cảnh giới bên ngoài để Đặng Văn T trèo qua hàng rào, cậy mái chuồng lợn, phá cửa vào nhà phá két sắt lấy trộm tài sản của bà Đ gồm: số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 lắc vòng vàng 10 chỉ, loại vàng ta, tuổi vàng là 997; 01 nhẫn tròn vàng 05 chỉ, loại vàng ta, tuổi vàng 9999; 01 lắc tay vàng 05 chỉ, loại vàng ta, tuổi vàng là 997. Tổng số tiền và trang sức bằng vàng trị giá là 187.100.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Thị Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, đơn trình báo của bị hại, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra , phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, NG vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội "Trộm cắp tài

sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)....;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[2]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, tuy có có sự bàn bạc, nhưng do các bị cáo là vợ chồng, sống cùng một nhà nên mới nảy sinh hành vi phạm tội cùng nhau. Tuy nhiên, bị cáo T tham gia vụ án với vai trò tích cực hơn, là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, cất giấu tài sản, bị cáo Q tham gia với vai trò giúp sức.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; sau khi gây thiệt hại về tài sản đối với bị hại, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại có ý kiến xin giảm hình phạt cho các bị cáo, bố đẻ của bị cáo Đặng Văn T là ông Đặng Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định.

Đối với bị cáo Đặng Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nhưng trong vụ án này bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với vai trò chính. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm một

phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Q, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội; bị cáo là vợ của bị cáo Đặng Văn T, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự mở lượng khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để bị cáo có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của vợ chồng cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho là phạt tiền cho các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tài sản các bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Bà Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Honda, BKS: 20B1- 657.26, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Q là phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chai nhựa màu xanh, đáy chai bị cắt thủng; 01 thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn, có kích thước 51cm x 1,7 cm; 01 kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su; 01 áo chống nắng màu xám; 01 túi nilong màu đen; 01 két sắt màu xanh, có kích thước 76 cm x 51cm x 37cm, bị thủng 01 lỗ phía sườn trái; 01 khò bằng đồng có 02 ống nối, tay cầm bằng nhựa màu nâu, có chiều dài 52cm; 02 ống nhựa, có 01 ống màu xanh, có kích thước 4 x 0,1m, 01 ống nhựa màu hồng, có kích thước 5,72 x 0,1m; 01 bát đất nung bị vỡ là công cụ các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại và người có quyền lợi, NG vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[9]. Ngoài ra, trong vụ án này còn có việc T cất giấu số tài sản trộm cắp được vào trong két sắt của T để tại nhà của bà Hoàng Thị NG (là mẹ của T). Tuy nhiên, bà NG hoàn toàn không biết và không có liên quan hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi T phá hỏng chiếc két sắt của bà Nguyễn Thị Đ, mục đích để trộm cắp tài sản, do giá trị thiệt hại về tài sản chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan Công an huyện Đồng Hỷ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Văn T** và bị cáo **Nguyễn Thị Q** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: **Đặng Văn T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2019. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quyết định tạm giam bị cáo Đặng Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Thị Q** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm NG vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô màu đen đã cũ, nhãn hiệu HonDa, BKS: 20B1- 657.26, số khung RLHTA 3621EY009343, số máy JA36E-0035113 (Kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004643 mang tên Nguyễn Thị Q do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05/3/2015 chuyển theo bản án).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa màu xanh, đáy chai bị cắt thủng; 01 (một) thanh kim loại màu đen, hình trụ tròn, có một đầu tròn, một đầu nhọn, có kích thước 51cm x 1,7 cm; 01 (một) kéo cắt sắt có tay cầm màu đen bằng cao su, có kích thước dài 16,3cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 14,2cm, tổng chiều dài 30,5cm; 01 (một) áo chống nắng màu xám; 01 (một) túi nilong màu đen; 01 (một) két sắt màu xanh, có kích thước 76 cm x 51cm x 37cm, bị thủng 01 lỗ phía sườn trái; 01 (một) khò bằng đồng có 02 ống nối, tay cầm bằng nhựa màu nâu, có chiều dài 52cm; 02 (hai) ống nhựa, có 01 ống màu xanh, có kích thước 4 x 0,1m, 01 ống nhựa màu hồng, có kích thước 5,72 x 0,1m; 01 (một) bát đất nung bị vỡ.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2019 giữa Công an huyện Đồng Hỷ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Hỷ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Thị Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, NG vụ liên quan đến vụ án; báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã ML, huyện ĐH;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.